TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/DS-ST
Ngày: 21/01/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Bà Bùi Thị Hòa Bình

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Luy - Thư ký Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1158/2020/TLST-DS, ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2021/QĐXXST-DS ngày 16/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **L T L**, sinh năm 1966
Cư trú: 399 B L, phường A, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **L S T**, sinh năm 1959
Cư trú: 399 B L, phường A, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **N T K P,** sinh năm 1972
Cư trú: 393A B Đ, phường B , quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2019, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, đại diện của nguyên đơn - ông L S T trình bày:

Ông L S T là đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 11/4/2018 bà L T L và bà N T K P lập hợp đồng vay tiền số 005983 tại Văn phòng công chứng L, theo đó bà L cho bà P vay số tiền là 140.000.000 đồng, với lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Sau khi vay tiền thì bà P đã không thực hiện đúng cam kết về trả tiền lãi, từ tháng 4/2018 đến nay bà P không trả tiền lãi. Vì vậy, bà L đã nhiều lần yêu cầu bà P phải trả tiền lãi theo thoả thuận nếu không thì bà P phải trả lại số tiền đã vay. Đến hết ngày 11/4/2019 là ngày đến hạn trả nợ theo hợp đồng vay tiền, thế nhưng bà P vẫn không trả tiền cho bà L.

Nay bà L yêu cầu bà P phải trả số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi tổng cộng là 58.800.000 đồng (bao gồm: lãi trên nợ gốc tính từ ngày 11/4/2018 đến ngày 11/4/2019: 140.000.000 đồng x 1,5% x 12 tháng = 25.200.000 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 12/4/2019 đến ngày 29/4/2021 là (140.000.000 đồng x 1% x 24 tháng (bà L tự nguyện tính lãi suất quá hạn 1%/tháng, 24 tháng 17 ngày làm tròn là 24 tháng) = 33.600.000 đồng. Tổng số tiền bà L yêu cầu bà P phải trả là 198.800.000 đồng trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà N T K P: Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã tiến hành triệu tập hợp lệ đến Tòa để làm bản khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.

**** Tại phiên toà:***

- ***Nguyên đơn*****:** Ngày 20/01/2022 nộp đơn xin xét xử vắng mặt và kèm theo yêu cầu: Bà L yêu cầu bà P phải trả số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi tổng cộng là 58.800.000 đồng (bao gồm: lãi trên nợ gốc tính từ ngày 11/4/2018 đến ngày 11/4/2019: 140.000.000 đồng x 1,5% x 12 tháng = 25.200.000 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 12/4/2019 đến ngày 29/4/2021 là (140.000.000 đồng x 1% x 24 tháng (bà L tự nguyện tính lãi suất quá hạn 1%/tháng, 24 tháng 17 ngày làm tròn là 24 tháng) = 33.600.000 đồng. Tổng số tiền bà L yêu cầu bà P phải trả là 198.800.000 đồng trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập để tham gia giải quyết vụ án nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu:

- *Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:*

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa; Việc gửi, cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời hạn mở phiên tòa sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định đối với các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên còn vi phạm khoản 1 Điều 196 BLTTDS gửi thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát trễ hạn và tống

đạt thông báo thụ lý cho bị đơn trễ hạn, vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và các Điều 179, 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa bà L T L và bà N T K P là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự; bị đơn cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về thủ tục tố tụng:

- Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý, tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến Toà để làm bản khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử vụ án. Phiên toà được mở lần thứ 02 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Việc bị đơn vắng mặt không làm ảnh hưởng đến nội dung tranh chấp nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Đối với ông D Q T là chồng của bị đơn bà N T K P: Bà L T L đề nghị Toà án không đưa ông D Q T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì bà P vay số tiền 140.000.000 đồng của bà L với mục đích cá nhân riêng, không liên quan gì đến quyền lợi và nghĩa vụ của ông D Q T.

- Đối với ông L S T là chồng của nguyên đơn bà L T L: Bà L T L và ông L S T đều đề nghị Toà án không đưa ông L S T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vì bà L cho bà P vay số tiền 140.000.000 đồng đây là tài sản riêng của bà L, không liên quan gì đến quyền lợi và nghĩa vụ của ông L S T.

Hội đồng xét xử xét: Việc đưa ông D Q T và ông L S T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích của bà L T L. Tuy nhiên, bà L không yêu cầu, xét đây là ý chí tự nguyện của bà L và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 11/4/2018 với nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi tổng cộng là 58.800.000 đồng (bao gồm: lãi trên nợ gốc tính từ ngày 11/4/2018 đến ngày 11/4/2019: 140.000.000 đồng x 1,5% x 12 tháng = 25.200.000 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 12/4/2019 đến ngày 29/4/2021 là (140.000.000 đồng x 1% x 24 tháng (bà L tự nguyện tính lãi suất quá hạn 1%/tháng, 24 tháng 17 ngày làm tròn là 24 tháng) = 33.600.000 đồng. Tổng số tiền bà L yêu cầu bà P phải trả là 198.800.000 đồng trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét:

Xét Hợp đồng vay tiền ngày 11/4/2018 giữa bà L T L và bà N T K P đã công chứng tại Văn phòng công chứng L, số công chứng 005983, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD có nội dung: "…bà N T K P (bên B) vay của bà L T L (bên A) số tiền là 140.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất vay là 1,5%/tháng. Hết hạn hợp đồng, nếu bên B không trả đủ tiền vay và tiền lãi cho bên A mà hai bên không có thỏa thuận khác thì bên A có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân các cấp buộc bên B thanh toán số tiền vay, tiền lãi và các chi phí liên quan cho bên A theo quy định pháp luật".

Căn cứ Hợp đồng vay tiền trên cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Bà N T K P có vay của bà L T L số tiền là 140.000.000 đồng. Trong quá trình trả nợ vay, bà P đã không thực hiện đúng cam kết về trả tiền lãi từ tháng 4/2018 cho đến nay bà P không trả tiền lãi và nợ gốc cho bà L. Đến hết ngày 11/4/2019 là ngày đến hạn trả nợ theo hợp đồng vay tiền, nhưng bị đơn vẫn không trả tiền cho nguyên đơn mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện trả nợ cho bị đơn. Do vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bị đơn phải chịu trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do trong Hợp đồng vay tiền, các bên có thoả thuận về lãi suất vay là 1,5%/tháng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn chỉ trả lãi trên nợ gốc tính từ ngày 11/4/2018 đến ngày 11/4/2019: 140.000.000 đồng x 1,5% x 12 tháng = 25.200.000 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 12/4/2019 đến ngày 29/4/2021 là (140.000.000 đồng x 1% x 24 tháng (nguyên đơn tự nguyện tính lãi suất quá hạn 1%/tháng, 24 tháng 17 ngày làm tròn là 24 tháng) = 33.600.000 đồng là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn với thời gian dài, làm ảnh hưởng tới quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc và lãi làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

3.Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà L T L.

Bà N T K P phải trả cho bà L T L tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 11/4/2018 là 198.800.000 đồng (trong đó nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi là 58.800.000 đồng) trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà N T K P phải chịu án phí sơ thẩm là 9.940.000 đồng.

Bà L T L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.311.000 đồng theo biên lai thu số 0088081 ngày 28/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Việc thi hành án được thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND TP. HCM;
-VKSND quận Bình Thạnh;
-THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà